

Bản án số: 77 /2022/HS-ST

Ngày 21 – 7 – 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Chiều

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại **Trụ sở Tòa án nhân dân** thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: **69/2022/TLST-HS** ngày **07** tháng **6** năm **2022**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **72/2022/QĐXXST-HS** ngày 14 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Đ**, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1960, tại: Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hiệp Đ, phường Hồng T, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Văn L (Đã chết); con bà: Nguyễn Thị Thu; Có vợ là Nguyễn Thị S, vợ chồng có 03 con chung, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1991.

**- Tiền án:** 01 – Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05 ngày 16/01/1998 của Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” (Nguyễn Văn Đ chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung, án phí hình sự của bản án nên chưa được xóa án tích).

**- Tiền sự:** Không

**- Nhân thân:**

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 79/HSST ngày 10/11/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 02 (*Hai*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (*Bốn*) năm về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*”. Đã chấp hành xong hình phạt, phần trách nhiệm dân sự và án phí tại Công văn số 46/CTHADS-VP ngày 16/5/2022 của Cục thi hành án tỉnh Thái Nguyên xác định: Không có hồ sơ thi hành án dân sự liên quan đến Nguyễn Văn Đ thi hành bản án số 79/HSST ngày 10/11/1989 nên chưa đủ căn cứ xác định tiền án của bị cáo.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/HSST ngày 24/12/1996 của Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên (Nay là thành phố Phổ Yên) đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 06 (*Sáu*) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”. (Bị cáo chưa chấp hành xong án phí và tiền bồi thường dân sự của bản án này, tuy nhiên căn cứ vào điểm đ, khoản 3 Nghị quyết số 32/1999/NQ-QH10 ngày 21/12/1999 thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích).

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/HSST ngày 29/4/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 04 (*Bốn*) năm tù về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án đương nhiên được xóa án tích

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2008/HSST ngày 25/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 08 (*Tám*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án đương nhiên được xóa án tích.

+ Tại Quyết định khởi tố bị can số 152/QĐ-CSĐT ngày 11/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phổ Yên đã khởi tố đối với Nguyễn Văn Đ về hành vi “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị S; sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố Hiệp Đ, phường Hồng T, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

**- Người chứng kiến:**

1. Ông Trần Văn M; sinh năm 1958; Nơi cư trú: Tổ dân phố Cầu R, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên (Vắng mặt).

2. Ông Dương Thị C , sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ dân phố Cống T, phường Hồng T, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 15/11/2021, tại nhà của ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1972) thuộc khu vực tổ dân phố Cầu R, phường B B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Tổ công tác Công an phường B B tiến hành tuần tra, kiểm soát hành chính về việc đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa phương thì phát hiện Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; trú tại xóm Hiệp Đ, xã Hồng T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Nay là TDP Hiệp Đ, phường Hồng T, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra, Đ tự nguyện lấy từ túi áo ngực bên trái Đ đang mặc ra 01 gói túi ni lông màu trắng, bên trong đựng 05 gói giấy, loại đường kẻ viết, bên trong có chứa chất rắn màu trắng đục giao nộp cho tổ công tác. Theo Đ khai nhận, số chất rắn màu trắng đục trên là ma túy, loại Heroine của Đ mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác Công an phường B B đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn Đ, tạm giữ của Đ số tiền 10.515.000 đồng và niêm phong số vật chứng thu giữ được của Đ và đưa Đ về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên để giải quyết theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên phối hợp với Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong, cân khối lượng số chất rắn màu trắng đục thu giữ của Nguyễn Văn Đ được **0,179 gam**.

Tại bản Kết luận giám định số: 1598/KL- KTHS ngày 23/11/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất rắn màu trắng đục thu giữ của Nguyễn Văn Đ là chất ma túy, loại **Heroine**, có khối lượng **0,179 gam**.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn Đ khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 14/11/2021, Đ đi sang nhà ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1972 tại tổ dân phố Cầu R, phường B B, thành phố Phổ Yên) để chặn lợn (do Đ làm thuê cho ông Thìn lúc này gia đình ông Thìn không ai có nhà). Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 15/11/2021, khi Đ đang nằm ở ghế tại bàn uống nước nhà ông Thìn thì lực lượng Công an phường B B đến kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Đ lấy từ trong túi áo ngực bên trái đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác Công an phường B B 01 túi nilon, bên trong có 05 gói Heroine. Ngoài ra, tổ công tác Công an phường B B còn tạm giữ số tiền 10.515.000 đồng của Đ, theo Đ khai đây là tiền vợ bị cáo đưa cho Đ dùng để trả tiền cám lợn cho vợ. Nguồn gốc số ma túy trên là của Đ mua của một người nam giới lái xe ôm vào ngày 14/11/2021 với số tiền 500.000 đồng tại khu vực cổng Bệnh viện C - Thái Nguyên. Đ không xác định được người bán

ma túy cho Đ là ai. Mục đích Đ mua ma túy là để sử dụng, không có mục đích khác.

**\* Vật chứng thu giữ:**

+ 01 phong bì niêm phong ký hiệu X, bên trong có 0,169 gam ma túy Heroine và vỏ bao mẫu còn lại sau giám định; 01 phong bì ký hiệu A, bên trong chứa vỏ bao mẫu lưu kho được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên chờ xử lý.

+ Đối với số tiền: 10.515.000 đồng, tạm giữ của Nguyễn Văn Đ, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị S (vợ bị cáo Đ) đưa cho Đ để đi mua cám lợn, không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bà Sâm quản lý, sử dụng.

Do có hành vi nêu trên, nên tại bản cáo trạng số: 82/CT-VKSPY ngày 07/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần thẩm vấn công khai Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng số: 82/CT-VKSPY ngày 07/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

**2. Về hình phạt:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** mức án từ **24** đến **30** tháng tù.

**3. Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**4. Về xử lý vật chứng:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu X, bên trong có 0,169 gam ma túy Heroine và vỏ bao mẫu còn lại sau giám định; 01 phong bì ký hiệu A, bên trong chứa vỏ bao mẫu lưu kho.

Ngoài ra, còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt đề nghị áp dụng.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt để sớm hòa nhập cộng đồng, thành người có ích cho xã hội.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố:* Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp lệ trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản thu giữ vật chứng ... và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do bản thân là người nghiện chất ma túy nên hồi 10 giờ 30 phút ngày 15/11/2021, tại nhà của ông Nguyễn Văn T thuộc khu vực tổ dân phố Cầu R, phường B B, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Văn Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép **0,179** gam ma túy, loại **Heroine**, mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an phường B B, thị xã Phổ Yên phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Hành vi, ý thức của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Bản cáo trạng số: 82/CT-VKSPY ngày 07/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

### **“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy**

*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...*

*c) **Heroin**... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.*

**[3].** *Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội, Hội đồng xét xử thấy:*

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo không chịu lao động, tu dưỡng, rèn luyện nên đã sớm mắc nghiện ma túy, để phục vụ cho nhu cầu của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như trên.

**[4].** *Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:*

- *Về nhân thân:* Qua phân tích các yếu tố về nhân thân người phạm tội, Hội đồng xét xử thấy: Nguyễn Văn Đ sinh ra và lớn lên tại Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 3/10, sau đó nghỉ học ở nhà, lao động tự do tại địa phương. Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về các tội phạm khác nhau trong đó có tội liên quan đến ma túy tuy nhiên đều đã được xóa án tích, riêng bản án số 79/HSST ngày 10/11/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, nhưng trách nhiệm dân sự và án phí tại Công văn số 46/CTHADS-VP ngày 16/5/2022 của Cục thi hành án tỉnh Thái Nguyên xác định: Không có hồ sơ thi hành án dân sự liên quan đến Nguyễn Văn Đ thi hành bản án số 79/HSST ngày 10/11/1989 nên chưa đủ căn cứ xác định tiền án đối với bị cáo vì vậy theo hướng có lợi cho bị cáo chỉ xác định, đánh giá về nhân thân đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định bị cáo là người có nhân thân xấu.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn*

*năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích, tại bản án hình sự sơ thẩm số 05 ngày 16/01/1998 của Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” (Nguyễn Văn Đ chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung, án phí hình sự) nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5]. *Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng*:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc loại tội nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương và làm phát sinh thêm các loại tội phạm khác nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

[6]. *Về hình phạt bổ sung*: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 còn quy định:

“...5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...*”

Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm, không có thu nhập ổn định, phạm tội không vì mục đích vụ lợi nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[7]. *Về vật chứng vụ án*:

- Đối với 01(*Một*) phong bì ký hiệu X, bên trong chứa 0,169 gam chất ma túy, loại Heroine hoàn lại sau giám định; 01 (*Một*) phong bì niêm phong ký hiệu A bên trong đựng vỏ bao mẩu – Xác định là vật cấm lưu thông, không còn giá trị sử dụng nên cần xử lý tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền: 10.515.000 đồng, tạm giữ của Nguyễn Văn Đ khi bắt quả tang bị cáo, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị S (vợ bị cáo) đưa cho bị cáo để đi mua cám lợn, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bà Sâm quản lý, sử dụng là

phù hợp.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. *Về các vấn đề khác của vụ án*: Trong vụ án này, theo Nguyễn Văn Đ khai còn có đối tượng nam giới (không rõ địa chỉ) là người đã bán ma túy cho Đ tại khu vực cổng Bệnh viện C – Thái Nguyên không rõ là ai nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau là phù hợp, có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

**1. Về tội danh**: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

#### **2. Về hình phạt:**

##### **2.1 Hình phạt chính:**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **30 (Ba mươi)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

**2.2 Về Hình phạt bổ sung**: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

**3. Về xử lý vật chứng**: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- **Tịch thu, tiêu hủy**: 01 (Một) phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu X ghi hoàn trả 0,169 gam mẫu X và vỏ bảo gói mẫu X; 01 (Một) phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A ghi mẫu lưu kho.

*(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Phố Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phố Yên ngày 13/6/2022)*

**4. Án phí**: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp **200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

**5. Quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Tp. Hồ Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Công an Tp. Hồ Yên;
- Chi cục THADS Tp. Hồ Yên;
- Bị cáo; Đương sự;
- UBND xã (phường) nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hải Chiều**